

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2018/HS-ST
Ngày 19-01-2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Quốc Tuấn

Ông Huỳnh Minh Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hướng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2017/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Lý T1, sinh năm 1995, tại huyện T, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp làm thuê; trình độ văn hoá 8/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý T2 và bà Nguyễn Thị Đ; chưa có vợ, con; tiền án không; tiền sự không; nhân thân tốt; bị tạm giữ từ ngày 27/10/2017 đến ngày 30/10/2017, chuyển qua tạm giam từ ngày 31/10/2017 cho đến nay (Bị cáo có mặt).

Bị hại: Ông Ngô Toàn T3, sinh ngày 01/02/1994; nơi cư trú ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1963; nơi cư trú ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người làm chứng:

1. Ông Trần Văn B; đăng ký thường trú ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre; nơi cư trú ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Ông Dương Văn P1; nơi cư trú ấp Đ, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3. Ông Châu Ngọc T4 (có mặt);

4. Ông Lý T2 (có mặt);

Cùng nơi cư trú ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người phiên dịch tiếng Khmer: Ông Lý T5.

Nơi công tác: Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NHẬN THẤY

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lý T1, sinh năm 1995 và bị hại Ngô Toàn T3, sinh ngày 01/02/1994, cùng đăng ký thường trú tại ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng có quen biết nhau và không có mâu thuẫn gì trước đó.

Vào khoảng 17 giờ ngày 18/12/2016, bị cáo đi uống rượu về đến nhà thì bị Lý T2 (cha ruột bị cáo) la rầy về việc bị cáo lấy xe của ông T2 đi cầm nên bị cáo tức giận bỏ đi khỏi nhà. Lúc này, bị cáo thấy có một cây dao (loại dao Thái Lan) do cháu của bị cáo chơi bỏ lại ở ngoài lộ nên lấy bỏ vào ống quần Jean bên chân trái rồi đi bộ đến quán của ông Võ Văn L ngụ cùng ấp để xem đánh bida. Khi đến quán, bị cáo thấy Dương Văn P1 và P2 đang đánh bida cùng nhau, bị hại và Trần Văn B đứng ngoài xem. Bị cáo vào quán và đi đến xem đánh bida ở một bàn khác cách bàn P1 và P2 khoảng 4m. Một lúc sau, bị hại và B không xem bida nữa mà ngồi uống cà phê và nói chuyện ở gần cửa quán. Bị hại nói với B “Thằng T1 cháu bà P3 đánh bida cái gì, cỡ nó cũng thường thôi, cỡ nào cũng chơi với nó hết”. Lúc này, bị cáo đi lại bàn bida nơi P1 và P2 đang chơi và hỏi P2 có thấy V không thì P2 nói không thấy. Sau đó, T6 (là người làm chung với bị cáo) đến rủ bị cáo đi uống cà phê ở quán khác thì bị cáo đồng ý. Khi bị cáo đi đến gần cửa thì bị hại dùng chân gạt vào chân bị cáo làm bị cáo bị vướng chân sắp té ngã nhưng bị cáo kịp nắm vào thành cửa ra vào nên không bị ngã. Bị hại hỏi bị cáo “Sao về sớm vậy” thì bị cáo dùng tay trái đánh vào mặt bên má phải của bị hại một cái, không để lại thương tích. Bị hại đứng dậy chửi bị cáo và nói “Mày khùng hả, sao mày đánh tao”. Bị cáo không trả lời mà khom người xuống, dùng tay phải rút dao từ trong ống quần ra đâm một dao vào người bị hại nhưng bị hại dùng tay đỡ nên bị trúng vào cẳng tay trái, bị hại gạt dao ra và bỏ chạy, bị cáo rượt đuổi theo nhưng không kịp. Sau đó bị cáo quay lại tiếp tục cầm dao rượt đuổi B nhưng B bỏ chạy được đến nhà ông Châu Ngọc T4 và nói cho ông T4 biết về việc bị cáo dùng dao gây thương

tích cho bị hại. Sau đó, ông T4 đã báo cho Công an xã L xuống hiện trường khống chế, tước được dao trên tay của bị cáo nhưng bị cáo thoát được và bỏ trốn khỏi địa phương. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã khởi tố và ra Quyết định truy nã đối với bị cáo, đến ngày 26/10/2017, bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã. Riêng bị hại sau khi bị bị cáo gây thương tích được đưa đi điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng từ ngày 18/12/2016 đến ngày 26/12/2016 thì xuất viện (BLĐT số: 01-31, 32-35, 42-52, 70-71, 88-112, 113-137).

Căn cứ bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 25/TgT-PY ngày 17/02/2017, kết luận: Ngô Toàn T3 bị thương tích gây sẹo xuôi mặt ngoài 1/3 dưới cẳng tay trái, kích thước 06cm x 0,3cm; sẹo xuôi mặt trong 1/3 dưới cẳng tay trái, kích thước 09cm x 0,3cm; chức năng gấp duỗi của các ngón tay bị hạn chế. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 12% (mười hai phần trăm). Tổn thương do vật sắc nhọn gây nên; tổn thương không nằm ở vùng gây nguy hiểm đến tính mạng, tổn thương không gây ảnh hưởng thẩm mỹ, tổn thương gây ảnh hưởng chức năng cẳng – bàn tay trái. (BLĐT số: 44-45).

Về vật chứng vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã thu giữ một cây dao dài 25cm, cán bằng nhựa màu xanh trắng dài 11cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 14cm, chiều rộng lưỡi dao nơi rộng nhất là 2,5cm, mũi dao nhọn, dao bén một bề, đã chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện T quản lý (BLĐT số: 02-03, 57).

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Ngô Toàn T3 yêu cầu bồi thường số tiền 7.900.000 đồng, bị cáo chưa bồi thường (BLĐT số: 49-52b; 113-118).

Tại bản cáo trạng số: 20/QĐ-KSĐT ngày 29/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Lý T1 về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo như đã nêu trên.

Tại phiên tòa, bị hại khai nhận sự việc xảy ra như cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Sau khi luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 33

và điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Lý T1 và đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 03 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự, tại phiên tòa bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009, khoản 1 Điều 584, Điều 590 của Bộ luật dân sự buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng.

- Về vật chứng của vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt do hoàn cảnh gia đình là cha bị cáo bị bệnh, mẹ bị cáo đi làm ăn xa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng đề nghị xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Đ. Xét thấy, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Đ đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, việc vắng mặt không trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ vào khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung:

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Lý T1 đã khai nhận: Vào khoảng 17 giờ ngày 18/12/2016, bị cáo đến quán của ông Võ Văn L ngụ ấp Đ, xã L để xem đánh bida. Xem được một lúc thì bị cáo định đi quán khác uống cà phê, khi bị cáo đi đến gần cửa thì bị bị hại Ngô Toàn T3 dùng chân gạt vào chân bị cáo làm bị cáo bị vướng chân sắp té ngã nhưng bị cáo kịp nắm vào thành cửa ra vào nên không bị ngã. Bị hại hỏi bị cáo “Sao về sớm vậy” thì bị cáo dùng tay trái đánh vào mặt bên má phải của bị hại một cái, không để lại thương tích. Bị hại đứng dậy chửi bị cáo và nói “Mày khùng hả, sao mày đánh tao”. Bị cáo không trả lời mà khom người xuống, dùng tay phải rút dao từ trong ống quần ra đâm một dao vào người bị hại nhưng bị hại dùng tay đỡ nên bị trúng vào cẳng tay trái, bị hại gạt dao ra và bỏ chạy, bị cáo tiếp tục rượt đuổi theo nhưng không kịp.

[4] Lời khai nhận nêu trên của bị cáo phù hợp với cáo trạng của Viện kiểm sát; phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ như biên bản khám

nghiệm hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án do cơ quan điều tra đã thu thập được.

[5] Bị cáo Lý T1 là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo đã có hành vi dùng cây dao dài 25cm, cán bằng nhựa màu xanh trắng dài 11cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 14cm, chiều rộng lưỡi dao nơi rộng nhất là 2,5cm, mũi dao nhọn, dao bén một bề gây thương tích cho bị hại Ngô Toàn T3. Theo kết luận giám định pháp y về thương tích số 25/TgT-PY ngày 17/02/2017, kết luận: Ngô Toàn T3 bị thương tích gây sẹo xuôi mặt ngoài 1/3 dưới cằm tay trái, kích thước 06cm x 0,3cm; sẹo xuôi mặt trong 1/3 dưới cằm tay trái, kích thước 09cm x 0,3cm; chức năng gấp duỗi của các ngón tay bị hạn chế. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 12% (mười hai phần trăm). Tổn thương do vật sắc nhọn gây nên; tổn thương không nằm ở vùng gây nguy hiểm đến tính mạng, tổn thương không gây ảnh hưởng thẩm mỹ, tổn thương gây ảnh hưởng chức năng cằm – bàn tay trái nên bị cáo Lý T1 đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích”. Bị cáo dùng cây dao dài 25cm, cán bằng nhựa màu xanh trắng dài 11cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 14cm, chiều rộng lưỡi dao nơi rộng nhất là 2,5cm, mũi dao nhọn, dao bén một bề để gây thương tích cho bị hại, đây là hung khí nguy hiểm nên bị cáo đã phạm tội thuộc trường hợp “Dùng hung khí nguy hiểm” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Lý T1 phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tuy nhiên, khung hình phạt đối với tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định là từ 02 năm đến 07 năm tù. Trong khi đó, tại khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định là từ 02 đến 06 năm tù. Do đó, việc áp dụng điều khoản tương ứng của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để làm căn cứ quyết định trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có lợi cho bị cáo.

[6] Căn cứ vào Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để làm căn cứ quyết định trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lý T1.

[7] Hành vi của bị cáo dùng dao là hung khí nguy hiểm gây tổn hại sức khỏe của bị hại là đã xâm hại trực tiếp đến sức khỏe của công dân gây mất trật tự xã hội tại địa phương. Sau khi dùng dao gây thương tích cho bị hại, bị hại bỏ chạy, bị cáo vẫn tiếp tục đuổi theo bị hại nhưng không kịp cho thấy hành vi của bị cáo rất hung hăng. Với tính chất và mức độ hành vi của bị cáo, Hội đồng xét xử cần phải áp dụng một mức án tù phù hợp và tương xứng với hành vi của bị cáo nhằm có tác

dụng trừng trị, giáo dục đối với bị cáo và có tính phòng ngừa, răn đe chung cho xã hội.

[8] Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo như sau: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; bị cáo là người dân tộc thiểu số, bị hại cũng có một phần lỗi đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 nên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[9] Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 33; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Lý T1 từ 02 đến 03 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên được chấp nhận.

[10] Về Trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại Ngô Toàn T3 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền chi phí ngày công lao động của bị hại, người nuôi bệnh, chi phí tàu, xe, chi phí phục hồi sức khỏe tổng cộng là 5.000.000 đồng và bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại. Xét thấy, bị cáo tự nguyện bồi thường số tiền 5.000.000 đồng cho bị hại nên căn cứ vào Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 1 Điều 584, Điều 590 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử cần chấp nhận buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền nêu trên.

[11] Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã thu giữ một cây dao dài 25cm, cán bằng nhựa màu xanh trắng dài 11cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 14cm, chiều rộng lưỡi dao nơi rộng nhất là 2,5cm, mũi dao nhọn, dao bén một bề theo quyết định thu giữ vật chứng số 18/QĐTG-CSĐT ngày 17 tháng 5 năm 2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T. Hiện nay, do Chi cục Thi hành án dân sự huyện T quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30 tháng 11 năm 2017. Xét vật chứng trên là công cụ phạm tội thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Đ hiện không còn sử dụng được và bà Đ cũng có yêu cầu không nhận lại vật chứng cây dao trên nên căn cứ vào điểm c khoản 2 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu tiêu hủy vật chứng của vụ án.

[12] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Toà án, bị cáo Lý T1 là người bị kết án nên phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Lý T1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ vào: Điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 33, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

1. Xử phạt bị cáo Lý T1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/10/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 1 Điều 584, Điều 590 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Lý T1 phải bồi thường cho bị hại Ngô Toàn T3 số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

3. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bị hại có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bị cáo còn phải trả lãi cho bị hại theo mức lãi suất 10%/năm, đối với số tiền chậm thi hành án. Trường hợp tại thời điểm trả tiền, mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự có thay đổi theo quyết định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì lãi suất chậm trả tiền được thực hiện bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

4. Về vật chứng: Căn cứ vào điểm c khoản 2 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu tiêu hủy một cây dao dài 25cm, cán bằng nhựa màu xanh trắng dài 11cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 14cm, chiều rộng lưỡi dao nơi rộng nhất là 2,5cm, mũi dao nhọn, dao bén một bề theo quyết định thu giữ vật chứng số 18/QĐTG-CSĐT ngày 17 tháng 5 năm 2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T.

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, bị cáo Lý T1 là người bị kết án nên phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

6. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên

tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện T;
- CAND huyện T;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- Lưu (hồ sơ vụ án, TA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Phước Tuấn